TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 433/2023/HC-PT
Ngày 19 tháng 6 năm 2023
"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 237/2023/TLPT-HC ngày 05 tháng 4 năm 2023 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2043/2022/HC-ST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1164/2023/QĐPT-HC ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Đình T, sinh năm 1964 (chết ngày 08/12/2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Đình T:

1.1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1965 - Vắng mặt;

1.2. Anh Lê Đình C, sinh năm 1991 - Vắng mặt;

1.3. Chị Lê Thị H, sinh năm 1993 - Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 1135/50/24/6A Khu phố 3, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh T[1], sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 127/2/17 Bình Lợi, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 09/4/2022) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện:

- Luật sư Mai Công Minh - Vắng mặt;

- Luật sư Trần Đình Dũng - Có mặt;

Đều là luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đông Pháp thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 07 Tân Phú, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Văn T[2], Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 (Văn bản ủy quyền số 1794/QĐ-UBND ngày 02/6/2023) – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Nhựt Trường T[3], chuyên viên Phòng Quản lý Đô thị Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

- Bà Trần Thị Khánh T[4], chuyên viên Phòng Quản lý Đô thị Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

- Ông Nguyễn Đức T[5], Trưởng Phòng Quản lý Đô thị Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty Mía đường II; Địa chỉ: 54-56 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt;

4. Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020 và các lời khai tiếp theo của người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện trình bày:

Năm 2000, gia đình ông Lê Đình T lưu trú trong căn nhà vách ván, mái tole tại vị trí một phần thửa đất số 96, một phần thửa 92, một phần đường, một phần tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 02/CT-UB), nay thuộc một phần thửa đất số 62, một phần thửa đất số 70, tờ bản đồ số 43 (Tài liệu bản đồ 2003), Khu phố 4,

phường Tân Thuận Tây, Quận 7. Việc lưu trú này do chính quyền địa phương thấy hoàn cảnh gia đình ông thuộc đối tượng chính sách, hoàn cảnh quá khó khăn, bản thân ông T là thương binh, có nhiều huân chương. Năm 2003, gia đình sửa chữa, cải tạo thành nhà cấp 4 như hiện nay. Việc sửa chữa không có giấy phép xây dựng, nhưng thuộc diện không bị cưỡng chế tháo dỡ, nên không bị lập biên bản vi phạm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định số 397/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc gia đình ông tháo dỡ nhà trả lại đất (Viết tắt là Quyết định số 397);

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định số 2333/QĐ-CC ngày 15/8/2016 cưỡng chế thì hành Quyết định số 397 (Viết tắt là Quyết định số 2333);

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định số 2430/QĐ-SĐCC ngày 01/8/2019 sửa đổi Quyết định số 2333: Từ 90 ngày thành 50 tháng (Viết tắt là Quyết định số 2430);

Ông T khiếu nại các quyết định trên. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 bác khiếu nại lần đầu của ông T (viết tắt là Quyết định 3731).

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định: Quyết định số 397; Quyết định số 2333; Quyết định số 2430 và Quyết định số 3731. Lý do: Quy định về việc cưỡng chế đối với xây dựng sai phép chỉ thực hiện đối với những trường hợp xây dựng trái phép thời điểm sau khi Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực, còn trường hợp xây dựng trái phép trước ngày 01/7/2004 thì cưỡng chế thu hồi đất chỉ khi thực hiện dự án hoặc cưỡng chế để thi hành án dân sự. Nhà của ông T không thuộc các trường hợp này; Gia đình ông T sinh sống ổn định đã trên 20 năm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Tây lại ra Thông báo số 1547/TB-UBND về việc kiểm tra đo đạc đối với phần diện tích đất nói trên để giao cho Tổng Công ty Mía đường là trái quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 3866/UBND ngày 11/10/2022 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 trình bày:

Quyết định số 3731 được ban hành đúng hình thức quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 1 Điều 22 quy định Mẫu số 15-KN ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP.

Đối với Quyết định số 397:

Vào ngày 20/11/2015, Công chức Địa chính - Xây dựng phường Tân Thuận Tây, Quận 7 đã lập Biên bản số 17/BB-VPHC về vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm

đối với ông Lê Đình T do đã có hành vi: *"Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng"* và hành vi: *"Chiếm đất"*. Địa điểm vi phạm: Một phần thửa 96, một phần thửa 92, một phần đường, một phần tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 02/CT-UB) nay thuộc một phần thửa đất số 62, một phần thửa đất số 70, tờ bản đồ số 43 (Tài liệu bản đồ 2003), Khu phố 4, phường Tân Thuận Tây, Quận 7. Thời điểm vi phạm: Trước năm 2003.

Ngày 20/11/2015, Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Tây chuyển hồ sơ vi phạm của ông T đến Ủy ban nhân dân Quận 7 để xử lý theo thẩm quyền.

Do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên Quyết định số 397 áp dụng biện pháp khắc phục quả, buộc ông T tự phá dỡ công trình xây dựng, khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, trả lại đất đã lấn chiếm, diện tích 53,1 m^2 theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Nếu không chấp hành sẽ bị cưỡng chế. Ông T đã đọc và đồng ý ký nhận Quyết định số 397 vào ngày 18/02/2016.

Đối với Quyết định số 2333: Do ông T không tự nguyện thi hành Quyết định 397, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86 và Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP của Chính phủ, ra Quyết định số 2333 cưỡng chế thi hành Quyết định số 397. Quyết định số 2333 được ban hành đúng hình thức theo Mẫu số 06 Phụ lục biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Đo đó, Quyết định số 2333 được ban hành đúng quy định của pháp luật.

Đối với Quyết định số 2430:

Trong quá trình chuẩn bị tổ chức cưỡng chế, vào các ngày 26/02/2018, ngày 13/3/2018, ngày 15/3/2018 ông T có các đơn xin cứu xét và Ủy ban nhân dân Quận 7 đã trả lời ông T bằng Công văn số 387/UBND-QLĐT ngày 17/4/2018 và Công văn số 571/UBND-QLĐT ngày 07/6/2018.

Nhận thấy thời gian 90 ngày là không đủ để chuẩn bị hồ sơ pháp lý thực hiện việc cưỡng chế, nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định số 2430, điều chỉnh thời gian từ 90 ngày lên thành 50 tháng, nhằm đảm bảo hoàn chỉnh các thủ tục cưỡng chế.

Đối với Quyết định số 3731:

Khu đất có diện tích 5.825 m^2 do Công ty Đường Việt Nam mua lại của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam theo Chứng thư trước bạ tại Sài Gòn ngày 29/12/1971 và đăng ký ngày 16/4/1974.

Ngày 20/7/1995, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè họp cùng Liên hiệp Mía đường II và Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Nhà Bè về việc phân chia khu đất đầu tư xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên phía sau Cư xá Ngân hàng thuộc xã Tân Thuận Tây. Trong đó, giao cho Liên hiệp Mía đường II 46 lô để xây dựng nhà cho cán bộ, công nhân viên. Ngày 28/7/1995, đại diện Công ty Mía đường II và Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Nhà Bè tiến hành cắm mốc các lô đất và bàn giao vị trí cho Công ty Mía đường II. Ngày 05/02/1998, Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Thông báo số 19/1998/TB-UB thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7: *Sau khi quy hoạch diện tích để xây dựng chợ nhằm di dời Cư xá Ngân hàng, diện tích còn lại giao cho Công ty đường Biên Hòa 40 lô, số lô còn lại giao cho Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Nhà Bè*. Ngày 25/02/1998, Ủy ban nhân dân Quận 7 phối hợp Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Tây tiến hành đo đạc, xác định mốc và bàn giao đất cho Tổng Công ty Mía đường II, với tổng số 40 lô đất. Ủy ban nhân dân Quận 7 có Tờ trình số 239/TT-UB-QLĐT ngày 12/11/1998 đề nghị duyệt quy hoạch phân lô khu nhà ở phường Tân Thuận Tây. Kiến trúc sư Trưởng Thành phố có Văn bản số 8455/KTST-QH ngày 20/7/2000 về địa điểm xây dựng và Văn bản số 9038/KTST-ĐB2 ngày 16/8/2000 về thỏa thuận điều chỉnh quy hoạch mặt bằng 1/500 khu nhà ở phường Tân Thuận Tây, với tổng khu đất diện tích 2.532 m^2 (kèm bản vẽ quy hoạch). Tháng 9/2000, Tổng Công ty Mía đường II ban hành các quyết định phân phối nhà ở, cấp 40 lô đất cho cán bộ công nhân viên để xây dựng nhà ở theo quy hoạch đã được duyệt.

Theo bản vẽ hiện trạng vị trí số 06725/ĐĐBĐ-VPQ7 ngày 14/5/2012 do Trung tâm đo đạc bản đồ lập, áp ranh bản đồ quy hoạch phân lô khu nhà ở phường Tân Thuận Tây được Kiến trúc sư Trưởng Thành phố duyệt ngày 16/8/2000 lên Bản đồ hiện trạng vị trí, xác định: Phần đất phía sau nhà các hộ dân thuộc dãy N (ranh theo Giấy chứng nhận) là khoảng thông hành địa dịch, cách ranh đất của Công ty Mía đường là 1,5 mét.

Tại Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 28/02/2013 của Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Tây, xác định: *"Khu vực Cư xá Ngân hàng trước đây có hàng rào bảo vệ rõ ràng là ranh giới của khu nhà ở này với khu đất xung quanh, hiện nay các hộ dân tự phá hàng rào bảo vệ Cư xá Ngân hàng, nới rộng diện tích sử dụng (của Công ty Mía đường) và lấn hết phần thông hành địa dịch của khu Cư xá Ngân hàng"*.

Bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/4000, lập năm 1983 xác định khu đất phía sau Cư xá Ngân hàng là đất có thửa. Do đó, xác định phần đất (nằm ngoài ranh công nhận) phía sau nhà ông Lê Đình T là đất có thửa, không phải đất rạch; phần đất đã được đăng ký trước bạ cho Công ty Mía đường Miền Nam từ năm 1974.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 18, Điều 27, khoản 1 Điều 29, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011 và Điều 5, khoản 1 khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 18, khoản 1 Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ để ban hành Quyết định số 3731 là đúng quy định của pháp luật.

Từ các phân tích trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Mía đường II: Vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với vụ kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2043/2022/HC-ST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 3 Điều 18, Điều 38, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, ông Lê Đình C, bà Lê Thị H (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Đình T);

+ Hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 397/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016, về việc: Buộc ông Lê Đình T trả lại đất đã chiếm với diện tích 53,10 m^2, địa điểm vi phạm: Một phần thửa 92, 96, một phần đường, một phần thuộc tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 02/CT-UB), nay thuộc một phần thửa đất số 62, một phần thửa đất số 70, tờ bản đồ số 43 (Tài liệu bản đồ 2003), Khu phố 4, phường Tân Thuận Tây, Quận 7.

+ Hủy một phần Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 2333/QĐ-CC ngày 15/8/2016, về việc cưỡng chế thu hồi 53,10 m^2, địa điểm vi phạm: Một phần thửa 92, 96, một phần đường, một phần thuộc tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 02/CT-UB), nay thuộc một phần thửa đất số 62, một phần thửa đất số 70, tờ bản đồ số 43 (Tài liệu bản đồ 2003), Khu phố 4, phường Tân Thuận Tây, Quận 7.

+ Hủy một phần Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, về việc: Cưỡng chế thu hồi 53,10 m^2, địa điểm vi phạm: Một phần thửa 92, 96, một phần đường, một phần thuộc tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 02/CT-UB), nay thuộc một phần thửa đất số 62, một phần thửa

đất số 70, tờ bản đồ số 43 (Tài liệu bản đồ 2003), Khu phố 4, phường Tân Thuận Tây, Quận 7.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 2430/QĐ-SĐCC ngày 01/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/01/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với Quyết định số 397, Quyết định số 2333 và Quyết định số 3731.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Trần Thị Khánh T[4] trình bày Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu bác khởi kiện của người khởi kiện đối với Quyết định số 397, Quyết định số 2333 và Quyết định số 3731. Ông T có hành vi chiếm đất của Công ty Mía đường đã được xác lập quyền sử dụng từ năm 1974 và ông T xây dựng nhà không phép.

Ông Nguyễn Thanh T[1] không đồng ý yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7.

Luật sư Trần Đình Dũng đề nghị xem xét đất này có lô, có thửa rõ ràng, không phải là đất lấn chiếm. Ông T xây nhà không phép trước ngày 01/7/2004 và sử dụng ổn định, không có tranh chấp, nên không thuộc trường hợp phải tháo dỡ. Bản án sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, xét xử đúng quy định của pháp luật, nên không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên Bản án sơ thẩm có sai sót trong việc tuyên án đối với Quyết định số 3731, cần chỉnh sửa cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm và đến ngày 17/01/2023 được tống đạt Bản án sơ thẩm, nên Đơn kháng cáo của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ, người khởi kiện vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp, người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng không có kháng cáo và việc vắng mặt không do trở ngại khách quan, không vì lý do bất khả kháng. Theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành vắng mặt họ.

[2] Ông Lê Đình T khởi kiện đối với quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 về quản lý đất đai (Quyết định số 3731), trong thời hạn chưa quá 01 năm kể từ ngày có quyết định bị khởi kiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

Tuy các Quyết định số 397, Quyết định số 2333 và Quyết định số 2430 đã được ban hành trước thời điểm khởi kiện hơn 01 năm, nhưng do Quyết định số 3731 (quyết định hành chính bị khởi kiện) giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 397, Quyết định số 2333 nên các quyết định này là quyết định hành chính có liên quan trực tiếp đến quyết định hành chính bị khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 397, Quyết định số 2333 là đúng quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Quyết định số 3731, Quyết định số 397, Quyết định số 2333 đều được ban hành đảm bảo về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2012; Các điều 18, 38, 86 và 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

[4] Tuy hộ ông Lê Đình T đã sử dụng diện tích đất từ trước ngày 01/7/2004 (sử dụng từ năm 2000), nhưng việc sử dụng đất và xây dựng nhà ở của hộ ông T không được chính quyền cho phép, không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh phần đất đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lê Đình T.

Theo Bản vẽ hiện trạng vị trí số 06725/ĐĐBĐ-VPQ7 do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 25/5/2012 thì hộ gia đình ông Lê Đình T sử dụng diện tích 54,2 m^2; Trong đó: Phần diện tích thuộc thông hành địa dịch là 1,1 m^2, còn lại 53,1 m^2 nằm trong diện tích 5.825 m^2 thuộc một phần lô số 104, 110, tờ số 5 Tân Thuận Đông do Tổng Công ty Mía đường II quản lý, sử dụng trước năm 1975, theo Chứng thư trước bạ tại Sài Gòn ngày 29/12/1971, đăng ký ngày 16/4/1974. Tại Trích sao sổ địa bộ số 272/RĐ-PĐC ngày 22/02/1992 của Ban Quản lý ruộng đất ghi nhận diện tích 5.825 m^2, số địa bộ 276 mới 110, số bản đồ 110, tờ bản đồ thứ 5, tọa

lạc tại xã Tân Thuận Đông, tên chủ đất: Công ty Đường Việt Nam đứng bộ. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 10342/VPĐK-KT ngày 17/9/2013 kiểm tra, đối chiếu vị trí của khu đất theo Sổ bộ trước năm 1975, Tài liệu Chỉ thị 299/TTg, Tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB ngày 18/01/1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Văn bản số 8455/KTST-QH ngày 20/7/2000, số 9038/KTST-ĐB2 ngày 16/8/2000 của Kiến trúc sư Trưởng Thành phố, thì có căn cứ để xác định ông Lê Đình T có hành vi *"Chiếm đất"* và hành vi *"Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng"* là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ và điểm b khoản 6 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ.

[5] Do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên Quyết định số 397 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định tại điểm c khoản 1 khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Quyết định số 397 buộc ông Lê Đình T tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm, diện tích 53,10 m^2, cấu trúc: cột sắt + cột cây, vách gạch + vách tole, mái tole; khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, là đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ và điểm a điểm đ khoản 3 Điều 5 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ.

Quyết định số 397 buộc ông Lê Đình T "trả lại đất đã chiếm" là đúng quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, Quyết định số 397 không xác định trả lại đất đã chiếm cho ai, dẫn đến không thi hành án được. Do đó, Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy một phần Quyết định số 397 và từ đó đã hủy một phần Quyết định số 2333 đối với nội dung "trả lại đất đã chiếm" là có căn cứ.

[6] Quyết định số 3731 có nội dung: Giữ nguyên … Quyết định số 2333 … Đề nghị ông Lê Đình T chấp hành Quyết định số 397 và Quyết định số 2333, mà không có nội dung:*"Về việc: Cưỡng chế thu hồi 53,10 m^2, địa điểm vi phạm: Một phần thửa 92, 96, một phần đường, một phần thuộc tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 02/CT-UB), nay thuộc một phần thửa đất số 62, một phần thửa đất số 70, tờ bản đồ số 43 (Tài liệu bản đồ 2003), Khu phố 4, phường Tân Thuận Tây, Quận 7"*, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên hủy Quyết định số 3731 *"Về việc: Cưỡng chế thu hồi 53,10 m^2, địa điểm vi phạm: Một phần thửa 92, 96, một phần đường, một phần thuộc tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 02/CT-UB), nay thuộc một phần thửa đất số 62, một phần thửa đất số 70, tờ bản đồ số 43 (Tài liệu bản đồ 2003), Khu*

phố 4, phường Tân Thuận Tây, Quận 7”, là nội dung không có thể hiện trong Quyết định số 3731, Bản án sơ thẩm tuyên như trên là không đúng.

Từ phân tích tại mục **[5]** và mục **[6]** nêu trên, tại Điều 1 của Quyết định số 3731 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 2333 là không đúng, còn Điều 2 của Quyết định số 3731 có nội dung đề nghị ông Lê Đình T chấp hành Quyết định số 397 và Quyết định số 2333 thì đây chỉ là lời đề nghị, không phải là mệnh lệnh hành chính bắt buộc ông Lê Đình T phải chấp hành, nên không nhất thiết phải hủy nội dung ghi tại Điều 2 của Quyết định số 3731. Vì vậy, chỉ cần sửa một phần Bản án sơ thẩm đối với việc giải quyết yêu cầu khởi kiện Quyết định số 3731 là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện không trình bày được chủ thể được trả lại đất là ai và trong các quyết định hành chính bị khởi kiện không có ghi nội dung đối tượng được trả lại đất là chủ thể nào, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Do sửa một phần Bản án sơ thẩm, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[8] Quyết định của Bản án sơ thẩm về bác yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 2430; về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 2043/2022/HC-ST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Đình T gồm: Bà Lê Thị N, anh Lê Đình C và chị Lê Thị H);

+ Hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 397/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với nội dung: *“Buộc ông Lê Đình T ... trả lại đất đã chiếm ... diện tích 53,10 m^2. Địa điểm vi phạm: Một phần thửa 92, 96, một phần*

đường, một phần thuộc tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 02/CT-UB) nay thuộc một phần thửa 62, một phần thửa 70, tờ bản đồ số 43 (tài liệu bản đồ 2003) Khu phố 4, phường Tân Thuận Tây, Quận 7".

+ Hủy một phần Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, số 2333/QĐ-CC ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với nội dung: *"Cưỡng chế thu hồi đất. Diện tích 53,10 m^2. Địa điểm vi phạm: Một phần thửa 92, 96, một phần đường, một phần thuộc tờ bản đồ số 1 (Tài liệu 02/CT-UB) nay thuộc một phần thửa 62, một phần thửa 70, tờ bản đồ số 43 (tài liệu bản đồ 2003) Khu phố 4, phường Tân Thuận Tây, Quận 7".*

+ Hủy một phần Điều 1 của Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với nội dung: *"Giữ nguyên nội dung của ... Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 2333/QĐ-CC ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 đối với trường hợp của ông Lê Đình Thơm".*

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0004276 ngày 06/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về bác yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 2430; về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (16b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công